

A. CHIẾN DỊCH LÀM CHO THẾ GIỚI SẠCH HƠN

Chiến dịch Làm cho thế giới sạch hơn do Australia khởi xướng từ năm 1993 và được Chương trình Môi trường Liên hợp quốc phát động trên phạm vi toàn cầu, tổ chức định kỳ vào tuần thứ 3 của tháng 9 hàng năm. Tiếp nối chủ đề Chiến dịch Làm cho Thế giới sạch hơn năm 2017, chủ đề Chiến dịch Làm cho Thế giới sạch hơn năm 2018 là “Quản lý rác thải vì môi trường nông thôn bền vững” nhằm nhấn mạnh vai trò quan trọng của công tác quản lý môi trường, đặc biệt là công tác quản lý chất thải tại các khu vực nông thôn trong quá trình xây dựng một đất nước Việt Nam phát triển kinh tế, an sinh xã hội và hài hòa với thiên nhiên.



C. MỘT SỐ QUY ĐỊNH CỦA LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

I. NGUYÊN TẮC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Bảo vệ môi trường là trách nhiệm và nghĩa vụ của mọi cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân.

2. Bảo vệ môi trường gắn kết hài hòa với phát triển kinh tế, an sinh xã hội, bảo đảm quyền trẻ em, thúc đẩy giới và phát triển, bảo tồn đa dạng sinh học, ứng phó với biến đổi khí hậu để bảo đảm quyền mọi người được sống trong môi trường trong lành.

3. Bảo vệ môi trường phải dựa trên cơ sở sử dụng hợp lý tài nguyên, giảm thiểu chất thải.

4. Bảo vệ môi trường quốc gia gắn liền với bảo vệ môi trường khu vực và toàn cầu; bảo vệ môi trường bảo đảm không phương hại chủ quyền, an ninh quốc gia.

5. Bảo vệ môi trường phải phù hợp với quy luật, đặc điểm tự nhiên, văn hóa, lịch sử, trình độ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

6. Hoạt động bảo vệ môi trường phải được tiến hành thường xuyên và ưu tiên phòng ngừa ô nhiễm, sự cố, suy thoái môi trường.

7. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng thành phần môi trường, được hưởng lợi từ môi trường có nghĩa vụ đóng góp tài chính cho bảo vệ môi trường.

8. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân gây ô nhiễm, sự cố và suy thoái môi trường phải khắc phục, bồi thường thiệt hại và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

II. CHÍNH SÁCH CỦA NHÀ NƯỚC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tham gia hoạt động bảo vệ môi trường; kiểm tra, giám sát việc thực hiện hoạt động bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

2. Tuyên truyền, giáo dục kết hợp với biện pháp hành chính, kinh tế và biện pháp khác để xây dựng kỷ cương và văn hóa bảo vệ môi trường.

3. Bảo tồn đa dạng sinh học; khai thác, sử dụng hợp lý và tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên; phát triển năng lượng sạch và năng lượng tái tạo; đẩy mạnh tái chế, tái sử dụng và giảm thiểu chất thải.

4. Ưu tiên xử lý vấn đề môi trường bức xúc, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, ô nhiễm môi trường nguồn nước; chú trọng bảo vệ môi trường khu dân cư; phát triển hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường.

5. Đa dạng hóa các nguồn vốn đầu tư cho bảo vệ môi trường; bố trí khoản chi riêng cho bảo vệ môi trường trong ngân sách với tỷ lệ tăng dần theo tăng trưởng chung; các nguồn kinh phí bảo vệ môi trường được quản lý thống nhất và ưu tiên sử dụng cho các lĩnh vực trọng điểm trong bảo vệ môi trường.

6. Ưu đãi, hỗ trợ về tài chính, đất đai cho hoạt động bảo vệ môi trường, cơ sở sản xuất, kinh doanh thân thiện với môi trường.

7. Tăng cường đào tạo nguồn nhân lực về bảo vệ môi trường.

8. Phát triển khoa học, công nghệ môi trường; ưu tiên nghiên cứu, chuyển giao và áp dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, công nghệ thân thiện với môi trường; áp dụng tiêu chuẩn môi trường đáp ứng yêu cầu tốt hơn về bảo vệ môi trường.

9. Gắn kết các hoạt động bảo vệ môi trường, bảo vệ tài nguyên với ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo đảm an ninh môi trường.

10. Nhà nước ghi nhận, tôn vinh cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân có đóng góp tích cực trong hoạt động bảo vệ môi trường.

11. Mở rộng, tăng cường hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường; thực hiện đầy đủ cam kết quốc tế về bảo vệ môi trường.

III. NHỮNG HOẠT ĐỘNG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐƯỢC KHUYẾN KHÍCH

1. Truyền thông, giáo dục và vận động mọi người tham gia bảo vệ môi trường, giữ gìn vệ sinh môi trường, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên và đa dạng sinh học.

2. Bảo vệ, sử dụng hợp lý và tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên.

3. Giảm thiểu, thu gom, tái sử dụng và tái chế chất thải.



4. Hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu; phát triển, sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; giảm thiểu phát thải khí gây hiệu ứng nhà kính, phá hủy tầng ô-zôn.

5. Đăng ký cơ sở, sản phẩm thân thiện với môi trường; sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng sản phẩm thân thiện với môi trường.

6. Nghiên cứu khoa học, chuyển giao, ứng dụng công nghệ xử lý, tái chế chất thải, công nghệ thân thiện với môi trường.

7. Đầu tư xây dựng cơ sở sản xuất thiết bị, dụng cụ bảo vệ môi trường; cung cấp dịch vụ bảo vệ môi trường; thực hiện kiểm toán môi trường; tín dụng xanh; đầu tư xanh.

8. Bảo tồn và phát triển nguồn gen bản địa; lai tạo, nhập nội các nguồn gen có giá trị kinh tế và có lợi cho môi trường.

9. Xây dựng thôn, làng, ấp, bản, khu dân cư thân thiện với môi trường.

10. Phát triển các hình thức tự quản và tổ chức hoạt động dịch vụ giữ gìn vệ sinh môi trường của cộng đồng dân cư.



11. Hình thành nếp sống, thói quen giữ gìn vệ sinh môi trường, xóa bỏ hủ tục gây hại đến môi trường.

12. Đóng góp kiến thức, công sức, tài chính cho hoạt động bảo vệ môi trường; thực hiện hợp tác công tư về bảo vệ môi trường.

IV. NHỮNG HÀNH VI BỊ NGHIÊM CẤM

1. Phá hoại, khai thác trái phép nguồn tài nguyên thiên nhiên.
2. Khai thác nguồn tài nguyên sinh vật bằng phương tiện, công cụ, phương pháp hủy diệt, không đúng thời vụ và sản lượng theo quy định của pháp luật.
3. Khai thác, kinh doanh, tiêu thụ các loài thực vật, động vật hoang dã thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.



4. Vận chuyển, chôn lấp chất độc, chất phóng xạ, chất thải và chất nguy hại khác không đúng quy trình kỹ thuật về bảo vệ môi trường.
5. Thải chất thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; các chất độc, chất phóng xạ và chất nguy hại khác vào đất, nguồn nước và không khí.
6. Đưa vào nguồn nước hóa chất độc hại, chất thải, vi sinh vật chưa được kiểm định và tác nhân độc hại khác đối với con người và sinh vật.
7. Thải khói, bụi, khí có chất hoặc mùi độc hại vào không khí; phát tán bức xạ, phóng xạ, các chất ion hóa vượt quá quy chuẩn kỹ thuật môi trường.
8. Gây tiếng ồn, độ rung vượt quá quy chuẩn kỹ thuật môi trường.
9. Nhập khẩu, quá cảnh chất thải từ nước ngoài dưới mọi hình thức.
10. Nhập khẩu, quá cảnh động vật, thực vật chưa qua kiểm dịch; vi sinh vật ngoài danh mục cho phép.

11. Sản xuất, kinh doanh sản phẩm gây nguy hại cho con người, sinh vật và hệ sinh thái; sản xuất, sử dụng nguyên liệu, vật liệu xây dựng chứa yếu tố độc hại vượt quá quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

12. Phá hoại, xâm chiếm trái phép di sản thiên nhiên, khu bảo tồn thiên nhiên.

13. Xâm hại công trình, thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động bảo vệ môi trường.

14. Hoạt động trái phép, sinh sống ở khu vực được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định là khu vực cấm do mức độ đặc biệt nguy hiểm về môi trường đối với con người.

15. Che giấu hành vi hủy hoại môi trường, cản trở hoạt động bảo vệ môi trường, làm sai lệch thông tin dẫn đến gây hậu quả xấu đối với môi trường.

16. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn, vượt quá quyền hạn hoặc thiếu trách nhiệm của người có thẩm quyền để làm trái quy định về quản lý môi trường.

V. TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN CỦA MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM

1. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tuyên truyền, vận động các tổ chức thành viên và nhân dân tham gia hoạt động bảo vệ môi trường.

2. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực hiện tư vấn, phản biện, giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật. Cơ quan quản lý nhà nước các cấp có trách nhiệm tạo điều kiện để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tham gia bảo vệ môi trường.

VI. TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN CỦA TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI, TỔ CHỨC XÃ HỘI - NGHỀ NGHIỆP

1. Tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp có trách nhiệm sau:

- a) Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường;
- b) Tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường.

2. Tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp có quyền sau:

a) Được cung cấp và yêu cầu cung cấp thông tin về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật;

b) Tham vấn đối với dự án có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình;

c) Tư vấn, phản biện về bảo vệ môi trường với cơ quan quản lý nhà nước và chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có liên quan theo quy định của pháp luật;

d) Tham gia hoạt động kiểm tra về bảo vệ môi trường tại cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình;

đ) Kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

VII. TRÁCH NHIỆM CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN

1. Ban hành theo thẩm quyền quy định, chương trình, kế hoạch về bảo vệ môi trường;
2. Tổ chức thực hiện chiến lược, chương trình, kế hoạch và nhiệm vụ về bảo vệ môi trường;
3. Xác nhận, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường theo thẩm quyền;
4. Hằng năm, tổ chức đánh giá và lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường;
5. Truyền thông, phổ biến, giáo dục chính sách và pháp luật về bảo vệ môi trường;
6. Kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo và quy định của pháp luật có liên quan;
7. Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện có liên quan giải quyết các vấn đề môi trường liên huyện;
8. Chỉ đạo công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường của Ủy ban nhân dân cấp xã;
9. Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nếu để xảy ra ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn.
10. Thực hiện các quy định về trách nhiệm bảo vệ môi trường làng nghề theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ.
11. Thực hiện trách nhiệm xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2016 của Chính phủ và Quyết định số 515/2015/QĐ-UBND ngày 27/10/2015 của UBND tỉnh Bắc Giang.
12. Thực hiện trách nhiệm xác nhận đăng ký đề án đơn giản theo quy định tại Điều 12 Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT ngày 26/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Quyết định số 515/2015/QĐ-UBND ngày 27/10/2015 của UBND tỉnh Bắc Giang.
13. Thực hiện trách nhiệm khác theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản khác có liên quan.

VIII. TRÁCH NHIỆM CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

1. Xây dựng kế hoạch, thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường, giữ gìn vệ sinh môi trường trên địa bàn; vận động nhân dân xây dựng nội dung bảo vệ môi trường trong hương ước; hướng dẫn việc đưa tiêu chí về bảo vệ môi trường vào đánh giá thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc, khu dân cư và gia đình văn hóa;

2. Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường của hộ gia đình, cá nhân;

3. Phát hiện và xử lý theo thẩm quyền các vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường hoặc báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường cấp trên trực tiếp;

4. Hòa giải tranh chấp về môi trường phát sinh trên địa bàn theo quy định của pháp luật về hòa giải;

5. Quản lý hoạt động của thôn, làng, tổ dân phố và tổ chức tự quản về giữ gìn vệ sinh môi trường, bảo vệ môi trường trên địa bàn;

6. Hằng năm, tổ chức đánh giá và lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường;

7. Chủ trì, phối hợp với cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn tổ chức công khai thông tin về bảo vệ môi trường của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với cộng đồng dân cư; đồng chủ trì với chủ dự án thực hiện tham vấn cộng đồng trong việc thực hiện lập báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với dự án thực hiện trên địa bàn theo quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều 12 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ.

8. Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân cấp huyện nếu để xảy ra ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn.

9. Thực hiện các quy định về trách nhiệm bảo vệ môi trường làng nghề theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ.

10. Thực hiện trách nhiệm về tham vấn ý kiến về đề án bảo vệ môi trường chi tiết theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT ngày 26/7/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

11. Thực hiện trách nhiệm khác theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản khác có liên quan.

IX. QUY ĐỊNH VỀ QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ

1. Đại diện cộng đồng dân cư trên địa bàn chịu tác động môi trường của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có quyền yêu cầu chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ cung cấp thông tin về bảo vệ môi trường thông qua đối thoại trực tiếp hoặc bằng văn bản; tổ chức tìm hiểu thực tế về công tác bảo vệ môi trường của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; thu thập, cung cấp thông tin cho cơ quan có thẩm quyền và chịu trách nhiệm về thông tin cung cấp.

2. Đại diện cộng đồng dân cư trên địa bàn chịu tác động môi trường của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có quyền yêu cầu cơ quan quản lý nhà nước có liên quan cung cấp kết quả thanh tra, kiểm tra, xử lý đối với cơ sở.

3. Đại diện cộng đồng dân cư có quyền tham gia đánh giá kết quả bảo vệ môi trường của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; thực hiện các biện pháp để bảo vệ quyền và lợi ích của cộng đồng dân cư theo quy định của pháp luật.

4. Chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phải thực hiện các yêu cầu của đại diện cộng đồng dân cư.

X. THAM VẤN CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ TRONG QUÁ TRÌNH LẬP BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Việc tham vấn cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp bởi dự án được tiến hành dưới hình thức họp cộng đồng dân cư do chủ dự án và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện dự án đồng chủ trì với sự tham gia của những người đại diện cho Ủy ban mặt trận Tổ quốc cấp xã, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, tổ dân phố, thôn, bản được Ủy ban nhân dân cấp xã triệu tập. Ý kiến của các đại biểu tham dự cuộc họp phải được thể hiện đầy đủ, trung thực trong biên bản họp cộng đồng.

XI. CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ THAM GIA BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Đại diện cộng đồng dân cư

1.1. Cộng đồng dân cư có thể lựa chọn tổ chức hoặc cá nhân làm người đại diện cộng đồng dân cư thông qua cuộc họp toàn thể hoặc đại diện hộ gia đình trong cộng đồng dân cư.

1.2. Tổ chức, cá nhân chấp thuận làm người đại diện của cộng đồng dân cư có trách nhiệm thực hiện những hoạt động trong phạm vi được cộng đồng ủy quyền và chịu trách nhiệm trước cộng đồng dân cư và pháp luật về những hoạt động của mình.

2. Cung cấp thông tin môi trường cho cộng đồng dân cư

2.1. Thông tin môi trường được cung cấp định kỳ ít nhất một năm một lần bao gồm:

a) Các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường;

b) Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia, địa phương; các báo cáo chuyên đề về môi trường do cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường xây dựng và công bố;

c) Danh sách các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, các khu vực môi trường bị ô nhiễm, bị suy thoái nghiêm trọng; khu vực có nguy cơ xảy ra sự cố môi trường do cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường lập và công bố;

d) Danh sách, thông tin về các nguồn thải, các loại chất thải có nguy cơ gây hại đến sức khỏe con người và môi trường do cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường lập và công bố;

đ) Các xuất bản phẩm, ấn phẩm theo chuyên đề về môi trường, tài liệu truyền thông về môi trường và các vấn đề liên quan;

e) Kết quả thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ trên địa bàn dân cư;

g) Hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn dân cư;

h) Giấy phép liên quan đến khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên, môi trường của cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ trên địa bàn dân cư.

2.2. Thông tin môi trường được cung cấp bằng một trong các hình thức sau:

- a) Tài liệu, ấn phẩm, xuất bản phẩm được thông báo rộng rãi địa chỉ phát hành trên các phương tiện thông tin đại chúng;
- b) Đăng tải trên trang thông tin điện tử chính thức của cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường; chủ đầu tư dự án; chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ;
- c) Niêm yết công khai tại cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ; trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã;
- d) Tổ chức họp báo công bố công khai;
- đ) Họp phổ biến thông tin cho cộng đồng dân cư;
- e) Các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

2.3. Thời gian công khai thông tin theo hình thức quy định tại điểm b và điểm c mục 2.2 nêu trên tối thiểu là 30 ngày.

2.4. Trách nhiệm cung cấp thông tin môi trường cho cộng đồng dân cư:

- a) Cơ quan quản lý nhà nước về môi trường có trách nhiệm cung cấp các thông tin quy định từ điểm a đến điểm e mục 2.1 nêu trên;
- b) Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có trách nhiệm cung cấp thông tin quy định tại điểm g và điểm h mục 2.1 nêu trên.

3. Tham vấn và giám sát của cộng đồng dân cư về môi trường

3.1. Các chủ trương, chính sách của Nhà nước sau đây cần có sự tham vấn của cộng đồng dân cư về môi trường trước khi quyết định:

- a) Xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án bảo vệ môi trường cấp quốc gia, vùng, liên vùng và cấp tỉnh;
- b) Xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường;
- c) Xác lập các chỉ tiêu về môi trường trong chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội cấp quốc gia, liên vùng, vùng và cấp tỉnh.

3.2. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền trước khi quyết định các chủ trương, chính sách quy định tại mục 3.1 nêu trên có trách nhiệm tổ chức tham vấn cộng đồng dân cư về môi trường thông qua việc công bố công khai dự thảo văn bản trên các trang thông tin điện tử hoặc phương tiện thông tin đại chúng.

3.3. Cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường có trách nhiệm tổ chức tiếp nhận và xử lý các ý kiến tham vấn về môi trường của cộng đồng dân cư; phản hồi với cộng đồng dân cư việc tiếp thu hay

không tiếp thu các ý kiến tham vấn về môi trường của cộng đồng dân cư thông qua các hình thức quy định tại Khoản 2 Điều 51 Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ.

3.4. Hoạt động tham vấn về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường thực hiện theo quy định của pháp luật về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường.

3.5. Hoạt động giám sát đầu tư công về bảo vệ môi trường của cộng đồng được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

4. Đánh giá kết quả bảo vệ môi trường của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ

4.1. Đại diện cộng đồng dân cư được quyền tham gia đánh giá kết quả bảo vệ môi trường đối với các đối tượng sau đây:

a) Chủ dự án trong việc thực hiện các nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và thực hiện nội dung các giấy phép liên quan đến khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên, môi trường;

b) Tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường; thực hiện nội dung các giấy phép liên quan đến khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên, môi trường;

c) Chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong thực hiện cam kết bảo vệ môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường; thực hiện nội dung các giấy phép liên quan đến khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên, môi trường.

4.2. Nội dung đánh giá:

a) Việc thực hiện nội dung các giấy phép liên quan đến khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên, môi trường;

b) Thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường; cam kết bảo vệ môi trường; kế hoạch bảo vệ môi trường;

c) Thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường.

4.3. Căn cứ vào thông tin môi trường của cơ sở được cung cấp định kỳ, cộng đồng dân cư hoặc đại diện cộng đồng dân cư đánh giá việc thực hiện các hoạt động liên quan đến nội dung đánh giá được nêu tại mục 4.2 nêu trên theo tiêu chí thực hiện đúng, đủ nội dung. Đánh giá kết

quả bảo vệ môi trường của cộng đồng dân cư là một trong những căn cứ cho việc khen tặng thành tích trong công tác bảo vệ môi trường của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

5. Xây dựng, thực hiện mô hình bảo vệ môi trường dựa vào cộng đồng dân cư

5.1. Nhà nước khuyến khích và có cơ chế chính sách hỗ trợ cộng đồng dân cư xây dựng và tổ chức thực hiện các mô hình cộng đồng bảo vệ tài nguyên và môi trường, phát triển bền vững, bảo tồn và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, ứng phó với biến đổi khí hậu.

5.2. Cộng đồng dân cư có trách nhiệm tham gia vào việc xây dựng mục tiêu, chương trình hoạt động, giám sát, đánh giá hiệu quả của chương trình bảo vệ các khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia; tham gia quản lý, bảo vệ các khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia.

5.3. Cộng đồng dân cư có quyền chủ động xây dựng, tổ chức thực hiện các mô hình bảo vệ tài nguyên và môi trường dựa vào cộng đồng, cùng với các cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường tham gia giám sát, kiểm tra việc quản lý các khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia.

XII. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG LÀNG NGHỀ



1. Làng nghề phải đáp ứng điều kiện về bảo vệ môi trường sau:
 - Có phương án bảo vệ môi trường làng nghề;
 - Có kết cấu hạ tầng bảo đảm thu gom, phân loại, lưu giữ, xử lý, thải bỏ chất thải đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường;
 - Có tổ chức tự quản về bảo vệ môi trường.
2. Cơ sở sản xuất thuộc ngành nghề được khuyến khích phát triển tại làng nghề do phải đáp ứng các yêu cầu sau:
 - Xây dựng và thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật;
 - Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung, ánh sáng, bụi, nhiệt, khí thải, nước thải và xử lý ô nhiễm tại chỗ; thu gom, phân loại, lưu giữ, xử lý chất thải rắn theo quy định của pháp luật.
3. Cơ sở sản xuất không thuộc đối tượng quy định tại mục 2 nêu trên phải đáp ứng các yêu cầu sau:
 - Tuân thủ quy định về:
 - + Thu gom, xử lý nước thải bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật môi trường;
 - + Thu gom, phân loại, lưu giữ, xử lý, thải bỏ chất thải rắn theo quy định của pháp luật;
 - + Giảm thiểu, thu gom, xử lý bụi, khí thải theo quy định của pháp luật; bảo đảm không để rò rỉ, phát tán khí độc hại ra môi trường; hạn chế tiếng ồn, độ rung, phát sáng, phát nhiệt gây ảnh hưởng xấu đối với môi trường xung quanh và người lao động;
 - + Bảo đảm nguồn lực, trang thiết bị đáp ứng khả năng phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường;
 - + Xây dựng và thực hiện phương án bảo vệ môi trường.
 - Tuân thủ kế hoạch di dời, chuyển đổi ngành nghề sản xuất theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

C. MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG



Đoàn viên thanh niên thu gom, xử lý rác thải tại xã Tân Liễu, huyện Yên Dũng



Hội LHPN Hiệp Hòa với phong trào “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch” góp phần xây dựng nông thôn mới



Lễ ký kết Nghị quyết liên tịch về bảo vệ môi trường thực hiện Nghị quyết số 41-NQ/TW của Bộ Chính trị giữa Sở Tài nguyên và Môi trường và các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh Bắc Giang



Lễ ký kết Nghị quyết liên tịch phối hợp tham gia bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, phát triển bền vững kinh tế tập thể giai đoạn 2016-2020 giữa Ủy ban Mặt trận tổ quốc tỉnh - Sở Tài nguyên và Môi trường – Liên minh Hợp tác xã tỉnh – Ban trị sự Hội phát giáo – Giáo hạt tỉnh Bắc Giang ngày 28/3/2016



Chi đoàn Thanh niên Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Huyện đoàn Yên Dũng, Phòng TNMT huyện Yên Dũng tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Môi trường Thế giới năm 2015



Đoạn đường phụ nữ tự quản



Mô hình tổ dân phố, khu dân cư không rác



Xã Đồng Sơn, TP Bắc Giang hưởng ứng công trình Xanh - Sạch - Đẹp quê hương làng xóm



Tình đoàn Bắc Giang và UBND xã Tiên Hưng, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang phối hợp với Công ty TNHH Canon Việt Nam tổ chức chương trình "Tuyên truyền bảo vệ và ra quân làm sạch môi trường" tại trường Tiểu học Tiên Hưng.

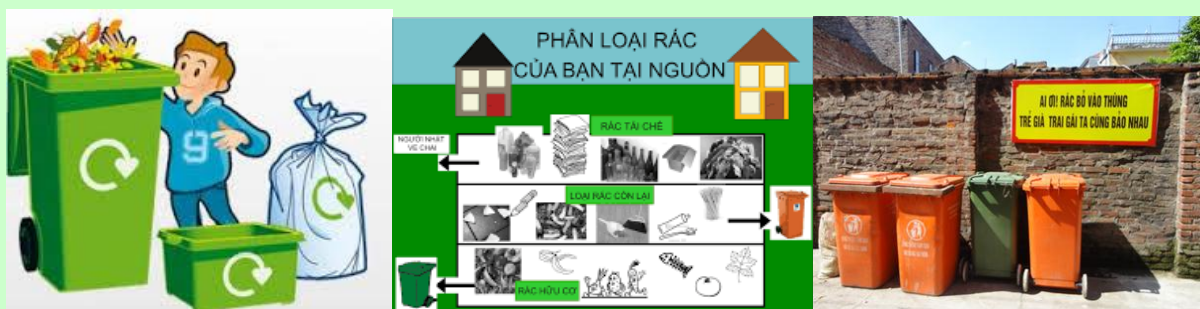


Đoàn viên thanh niên tham gia vệ sinh môi trường tại xã Bắc Lý, huyện Hiệp Hòa



Đoàn Thanh niên xã Bồng Am, huyện Sơn Động xây hồ rác thanh niên

D. HƯỚNG DẪN THU GOM VÀ XỬ LÝ RÁC THẢI HỘ GIA ĐÌNH



1. TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN, HỘ GIA ĐÌNH PHÁT SINH CHẤT THẢI RẮN

1. Thực hiện việc phân loại, lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt thành các nhóm: Hữu cơ dễ phân hủy, nhóm có khả năng tái sử dụng, tái chế, và các nhóm khác; chất thải sinh hoạt sau khi được phân loại phải được lưu giữ trong bao bì hoặc thiết bị lưu chứa phù hợp.



2. Hộ gia đình, cá nhân phải nộp phí vệ sinh cho thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt theo quy định.

3. Chủ nguồn thải chất thải rắn sinh hoạt có trách nhiệm ký hợp đồng dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý; thanh toán toàn bộ chi phí theo hợp đồng dịch vụ.

4. Hộ gia đình tại đô thị khi tiến hành các hoạt động cải tạo hoặc phá dỡ công trình xây dựng phải có biện pháp thu gom, vận chuyển xử lý chất thải rắn xây dựng theo quy định.

5. Hộ gia đình tại vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa chưa có hệ thống thu gom chất thải khi tiến hành các hoạt động cải tạo hoặc phá dỡ công trình xây dựng phải thực hiện quản lý chất thải xây dựng theo hướng dẫn của chính quyền địa phương, không được đổ chất thải ra đường, sông ngòi, suối, kênh rạch và các nguồn nước mặt.

2. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh và sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y phải thực hiện quy định về bảo vệ môi trường như sau:

- Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh, sử dụng, vận chuyển, lưu giữ, chuyển giao và xử lý hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y phải thực hiện quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và quy định của pháp luật có liên quan.

- Hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y có độc tính cao, bền vững, lan truyền, tích tụ trong môi trường, tác động xấu tới môi trường và sức khỏe con người phải được đăng ký, kiểm kê, kiểm soát, quản lý thông tin, đánh giá, quản lý rủi ro và xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Phân bón, sản phẩm xử lý môi trường chăn nuôi đã hết hạn sử dụng; dụng cụ, bao bì đựng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y sau khi sử dụng phải được xử lý theo quy định về quản lý chất thải.

3. Khu chăn nuôi tập trung phải có phương án bảo vệ môi trường và đáp ứng yêu cầu sau:



- Bảo đảm vệ sinh môi trường đối với khu dân cư;

- Thu gom, xử lý nước thải, chất thải rắn theo quy định về quản lý chất thải;

- Chuồng, trại phải được vệ sinh định kỳ; bảo đảm phòng ngừa, ứng phó dịch bệnh;

- Xác vật nuôi bị chết do dịch bệnh phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải nguy hại và vệ sinh phòng bệnh.

3. PHÂN LOẠI RÁC THẢI

Chất thải rắn (CTR) sinh hoạt hay còn gọi là rác thải sinh hoạt sinh ra từ hoạt động hàng ngày của con người. Rác sinh hoạt ra ở mọi nơi, mọi lúc trong phạm vi thành phố hoặc khu dân cư, từ các hộ gia đình, khu thương mại, chợ và các tụ điểm buôn bán, nhà hàng, khách sạn, công viên, khu vui chơi, giải trí, trường học...

Dựa vào tính chất của CTR, có thể phân CTR thành 2 loại là CTR hữu cơ và CTR vô cơ.

- CTR hữu cơ là gì?

CTR hữu cơ là các chất thải có chứa các hợp chất hữu cơ, có khả năng/ dễ dàng phân hủy sinh học (phân hủy trong điều kiện tự nhiên). VD: rau quả, cơm thừa...

Hay nói một cách đơn giản: CTR hữu cơ là rác thải có nguồn gốc từ sinh vật (cây cối, con vật...). Chúng có tuổi thọ thấp nhất, tồn tại trong môi trường với thời gian ngắn rồi biến mất. Gồm những loại: Cây cỏ loại bỏ, lá rụng, rau quả hư hỏng, đồ ăn thừa, vỏ trứng, rác nhà bếp, xác súc vật, phân chăn nuôi.



- CTR vô cơ là gì?

CTR vô cơ là những chất thải không có khả năng phân hủy trong tự nhiên hoặc có thể phân hủy nhưng thời gian rất dài như thủy tinh, sành sứ, kim loại, giấy, cao su, nhựa, vải, đồ điện, đồ chơi, cát sỏi, vật liệu xây dựng...



4. TÁC HẠI CỦA XỬ LÝ RÁC THẢI KHÔNG HỢP VỆ SINH

Đôi với rác thải sinh hoạt phát sinh trong đời sống hàng ngày, người dân ở các vùng nông thôn thường có thói quen bỏ bằng cách đốt, tập kết rác tại bãi rác lộ thiên hoặc đổ rác bừa bãi ra ngoài lề đường, ao, hồ.... Tuy nhiên, việc thải bỏ và xử lý rác không đúng cách, hợp vệ sinh sẽ gây mất mỹ quan và tác hại xấu ảnh hưởng trực tiếp tới đời sống con người và sinh vật.

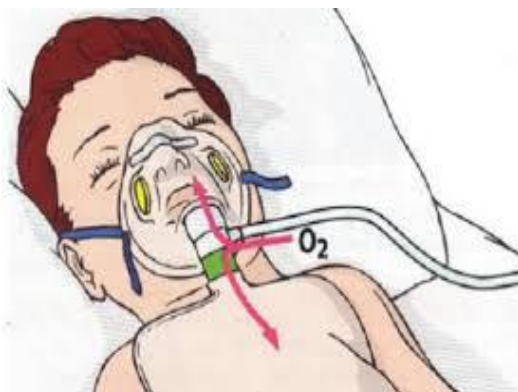
1. TÁC HẠI CỦA VIỆC ĐỐT RÁC THẢI

1.1. Thói quen của người dân nông thôn là đốt rác thải ngay tại gia đình trong đó có chứa các vật liệu thừa như: chai nhựa, cao su, túi nilon...

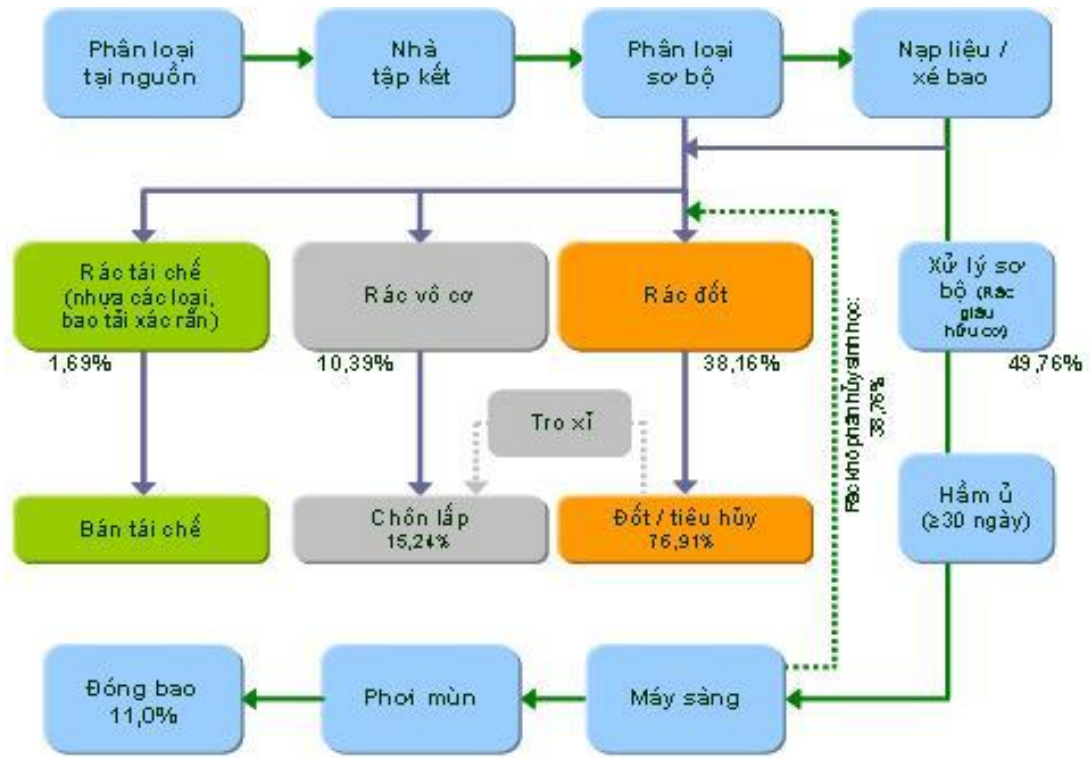


1.2. Khi đốt ở nhiệt độ thấp chúng cháy không triệt để và các khí độc thoát ra ngoài. Trong đám cháy có chứa các chất nguy hại như: Oxit các bon, hydrocacbon dễ bay hơi, kể cả benzen và dioxin, những chất có thể gây ung thư.

1.3. Đốt rác theo phương pháp thủ công trong khu dân cư thì các chất có hại nêu trên sẽ đe dọa trực tiếp đến sức khỏe. Hậu quả không chỉ dừng lại ở hiện tượng khó thở, viêm đường hô hấp mà tăng nguy cơ gây các bệnh ung thư.



1.4. Biện pháp tốt nhất để hạn chế những tác hại là tách riêng các chất thải nói trên để tái chế thành sản phẩm hoặc xử lý bằng lò đốt chuyên dụng.



2. TÁC HẠI CỦA VIỆC ĐỔ RÁC THẢI BỜ BÃI

2.1. Thói quen đổ rác thải bờ bãi ven đường làng, bờ sông, ao, hồ đang rất phổ biến ở các vùng nông thôn.



2.2. Nước rỉ rác sẽ chảy tràn xuống ao, hồ làm ô nhiễm nguồn nước.

2.3. Các chất độc hại trong nước sẽ tích lũy trong thực phẩm như: rau, tôm, cá... sẽ rất nguy hiểm nếu ta ăn phải các loại thực phẩm này.

2.4. Để phòng tránh những ảnh hưởng đến hệ sinh thái và sức khỏe cần phải xóa bỏ thói quen đổ rác thải bừa bãi, tổ chức thu gom và xử lý rác thải hợp vệ sinh.

3. NGUY CƠ ĐỐI VỚI CÁC BÃI RÁC KHÔNG HỢP VỆ SINH



3.1. Mỗi thôn/xóm ở các vùng nông thôn đều có những bãi rác lộ thiên, không được xử lý hợp vệ sinh là nơi ẩn chứa những nguy cơ lớn về sức khỏe và môi trường.

3.2. Những bãi rác này đặc biệt nguy hiểm đối với những người thu nhặt rác và những người dân xung quanh



3.3. Những chất độc có thể qua phổi, qua các tuyến nhờn và qua da đi vào cơ thể gây ngộ độc trực tiếp hoặc gây bệnh ngoài da và bên trong cơ thể.

3.4. Các loại rác thải không thể tái chế cần được xử lý trong các bãi rác hợp vệ sinh, được quản lý vận hành theo đúng quy định. Cần phải tập huấn và bảo vệ những người làm việc xung quanh bãi rác.

4. HƯỚNG DẪN PHÂN LOẠI RÁC THẢI

1. Phương pháp phân loại rác

Rác trước khi được đem xử lý, cần được phân loại ngay tại hộ gia đình. Cách nhận biết:

- Rác hữu cơ: Là các loại rác dễ bị thối rữa trong điều kiện tự nhiên sinh ra mùi hôi thối như: các loại thức ăn thừa, hỏng, vỏ trái cây, các chất thải rách ra do làm bếp...

- Rác vô cơ được chia thành 2 loại, đó là rác thải vô cơ tái chế và không tái chế (rác khô).

+ Rác vô cơ tái chế: Là các loại rác có thể sử dụng lại nhiều lần trực tiếp hoặc có thể chế biến lại như: Giấy, bìa cát tông, kim loại, các loại nhựa...

+ Rác vô cơ không tái chế: Là chất thải rắn vô cơ không có khả năng sử dụng hoặc chế biến như: giấy ăn đã sử dụng, thủy tinh (bóng đèn, cốc vỡ...), quần áo cũ, xỉ than, xương động vật, vỏ trứng...



2. Phương pháp thu gom rác

❖ Thu gom rác vô cơ: Trong rác vô cơ, có phân phân loại thành 2 loại là rác tái chế và rác không tái chế (rác khô).

❖ **Thu gom rác tái chế:** Rác tái chế bao gồm kim loại, giấy, cao su, nhựa, đồ điện phần lớn đã được những người đồng nát thu nhặt, phần còn lại lẫn trong rác vô cơ, người thu gom đựng riêng trong túi nilon hoặc túi vải để bán lại cho các cơ sở tái chế.

❖ **Thu gom rác khô:** Các thành phần rác không có khả năng tái chế sẽ được thu gom, đựng trong thùng, xô màu đỏ hoặc chứa trong các vật dụng có sẵn trong gia đình như: thùng, sọt, bao tải, túi nilon.

❖ **Thu gom rác hữu cơ (rác ướt)**

Rác ướt bao gồm thức ăn thừa, rau, hoa quả, bã chè, vỏ tôm, cua, vỏ ốc... dễ thối rữa nên phải thu gom hàng ngày.

Mỗi gia đình nên trang bị 02 thùng rác hữu cơ và vô cơ riêng (có màu khác nhau hoặc chú thích từng loại thùng rác tránh bỏ nhầm).



3. Phương pháp xử lý rác thải tại hộ gia đình

3.1. Xử lý rác thải vô cơ không tái chế

Việc xử lý rác thải vô cơ không tái chế các gia đình cần:

- Tự tổ chức thu gom phần rác thải của gia đình mình và vận chuyển ra bãi chứa rác tạm.
- Không đốt rác ngay tại hộ gia đình.
- Không đổ rác bừa bãi ven đường làng, bờ kênh, ao hồ.

Lưu ý: Trong chất thải rắn vô cơ, có một số thành phần được gọi là chất thải nguy hại.

Chất thải nguy hại là chất thải chứa yếu tố độc hại, phóng xạ, lây nhiễm, dễ cháy, dễ nổ, gây ăn mòn, gây ngộ độc hoặc có đặc tính nguy hại khác, ví dụ như: bình gas, vật dính xăng dầu, bình ắc quy...



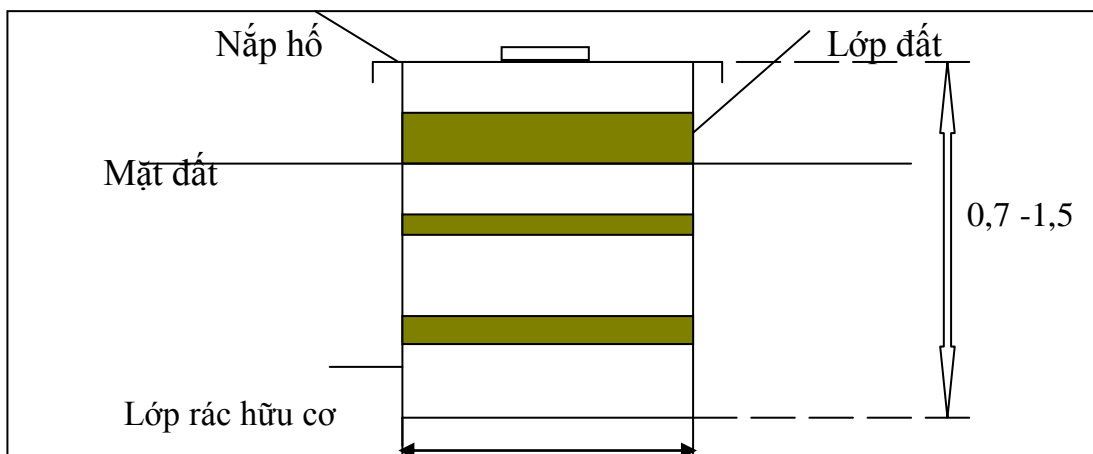
Đối với chất thải nguy hại cần được thu gom vào một túi riêng sẫm màu và giao cho chính quyền địa phương (bộ phận quản lý môi trường) xử lý theo quy trình riêng.

3.2. Xử lý rác thải hữu cơ - hố chôn rác thải di động

Hố rác di động là một trong những mô hình xử lý rác thải hữu cơ. Đây là mô hình dễ ứng dụng, linh hoạt mà không kém phần hiệu quả. Được gọi là hố rác di động vì hố này có thể tích nhỏ (cỡ vài trăm lít), khi hố đầy có thể chuyển sang hố khác sử dụng và hố được chính người dân xây dựng và duy trì hoạt động. Hố rác di động là một trong những giải pháp xử lý rác thải hữu cơ đơn giản và hiệu quả.

Cách xây dựng hố

- Vị trí đặt hố: Trong vườn, môi trường đất, không quá khô hay quá ẩm ướt, cách xa nơi ở trên 3m.
- Chiều sâu: 0,7 - 1,5 m; Đường kính: 0,6 - 1m.
- Nắp: Kích thước và hình dáng phụ thuộc vào miệng hố, chất liệu thường bằng kim loại hoặc gỗ (tùy điều kiện từng hộ gia đình có thể chọn các vật liệu khác nhau nhưng cần đảm bảo tính an toàn, kín để tránh cho vật thể lạ lọt vào cũng như mùi từ trong hố thoát ra ngoài).



Sơ đồ hố chôn rác thải di động

Cách thực hiện

- Rác hữu cơ hàng ngày được đổ vào hố, sau đó rắc một lượt mỏng chế phẩm sinh học (có tác dụng kích hoạt phân hủy nhanh các chất hữu cơ, không gây mùi hôi, sản phẩm sau ủ tơi xốp, mịn). Bỏ đất hoặc tro/trấu rải lên trên một lớp mỏng khoảng 2-5 cm và đập nắp để tránh ruồi, muỗi, chuột... và mưa.



- Lưu ý: Có thể có hoặc không cần sử dụng chế phẩm sinh học.

- Khi rác đầy hố, tiến hành lấp đất và tiếp tục đào hố khác để đựng rác.

Cơ chế hoạt động

Rác hữu cơ hàng ngày được người dân đổ xuống hố rác di động (chú ý cần bọc vỏ bao bì, bao nilon...) được phân hủy do vi khuẩn và các loại sinh vật đất hay nói cách khác là tự phân hủy.

❖ Ưu điểm - Lợi ích

*** Ưu điểm:**- Đơn giản, dễ thực hiện

- Giải quyết tại chỗ rác thải sinh hoạt hữu cơ của các hộ gia đình và không gây ô nhiễm môi trường.

- Không tốn diện tích của các hộ gia đình.

- Mùn tạo ra từ rác thải hữu cơ có thể sử dụng cho việc cải tạo đất, trồng cây trong nhà.

*** Lợi ích trực tiếp**

- Giảm thiểu ô nhiễm không khí (mùi rác phân hủy)

- Hạn chế sự sinh sôi và phát triển của các bệnh truyền nhiễm (rác hữu cơ thường là nguồn thức ăn của ruồi, muỗi, nhặng...)

- Giảm tải cho hố rác tạm thời tại xã, lấy lại cảnh quan sạch đẹp cho vùng này.

*** Lợi ích gián tiếp**

Khi hố đầy một thời gian, sau khoảng 20-25 ngày người dân có thể sử dụng trực tiếp làm hố trồng cây hoặc dùng rác đã phân hủy làm phân bón, trồng cây.

Lưu ý: - Tránh nước xâm nhập vào trong hố rác.

- Tránh đào hố nước gần mạch nước ngầm.

- Chỉ cần hố đủ rộng và không quá sâu.

- Tuy lượng khí sinh ra trong quá trình ủ rác là không nhiều nhưng khi mở nắp hố cần tránh đứng trực diện với miệng hố và nên đeo khẩu trang.